



**TÀI LIỆU TÓM LƯỢC SỬ DỤNG KẾT  
HỢP VỚI GIÁO TRÌNH TTHCM CỦA  
BỘ GD & ĐT - 2009**







**CHƯƠNG MỞ ĐẦU**  
**ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ**  
**Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN**  
**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

**1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh**

**a. Khái niệm tư tưởng**

- **Nghĩa phổ quát:** tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện quan hệ của con người với thế giới xung quanh.

Trong thuật ngữ “tư tưởng Hồ Chí Minh”, khái niệm tư tưởng có ý nghĩa ở tầm khái quát triết học. Nghĩa là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và chỉ đạo lại hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

- Nhà tư tưởng: là người biết giải quyết tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

**b. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991): Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và TT Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

“Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001): “TT Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về...”

Trong định nghĩa này, Đảng đã bước đầu làm rõ:

- + Một là, bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Hai là, nguồn gốc tư tưởng, lý luận của TT Hồ Chí Minh.
- + Ba là, nội dung cơ bản nhất của TT Hồ Chí Minh.
- + Bốn là, giá trị, ý nghĩa, sức hấp dẫn, sức sống lâu bền của TT Hồ Chí Minh.

Dựa trên định hướng này, các nhà khoa học đưa ra định nghĩa:

“TT Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người”.

Hiện nay, tồn tại 2 phương thức tiếp cận TT Hồ Chí Minh:

- Một là, TT Hồ Chí Minh như một hệ thống tri thức tổng hợp.
- Hai là, TT Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam.

Ở đây, vận dụng cách tiếp cận thứ hai để nghiên cứu TT Hồ Chí Minh.

Là một hệ thống lý luận, TT Hồ Chí Minh có cấu trúc logic chặt chẽ, có hạt nhân cốt lõi, đó là tư tưởng về độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; độc lập dân tộc gắn liền với CNXH nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

## **2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học**

### **a. Đối tượng nghiên cứu**

Là hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Như vậy, đối tượng của môn học không chỉ là bản thân hệ thống các quan điểm, lý luận được thể hiện trong toàn bộ di sản của Hồ Chí Minh, mà còn là quá trình vận dụng, hiện thực hóa các quan điểm, lý luận đó trong thực tiễn cách mạng.

### **b. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Làm rõ các nội dung sau:

- Cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành TT Hồ Chí Minh nhằm khẳng định sự ra đời của TT Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan , giải quyết các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra;
- Các giai đoạn hình thành và phát triển TT Hồ Chí Minh;
- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống TT Hồ Chí Minh;
- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của TT Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;
- Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển TT Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta;
- Các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

### **3. Mối quan hệ của môn học này với môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam**

#### **a. Với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin**

Chủ nghĩa Mác – Lenin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận, nguồn gốc tư tưởng, lý luận trực tiếp quyết định bản chất cách mạng, khoa học của TT Hồ Chí Minh.

Cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh và sự nghiệp của Đảng ta, thông qua tổng kết thực tiễn, đã góp phần làm phong phú, bổ sung và phát triển các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác – Lenin, là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lenin vào điều kiện thực tế Việt Nam. Vì vậy, hai môn này có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau.

#### **b. Với môn Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam**

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận tư tưởng của đảng, nhưng với tư cách là bộ phận tư tưởng nền tảng, kim chỉ nam, là cơ sở khoa học để xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược của đảng.

- TT HỒ Chí Minh trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Cơ sở phương pháp luận**

- a. Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học
- b. Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn
- c. Quan điểm lịch sử - cụ thể
- d. Quan điểm toàn diện và hệ thống
- e. Quan điểm kế thừa và phát triển
- g. Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.

### **2. Các phương pháp cụ thể**

- Ngoài những phương pháp chung cần phải có những phương pháp cụ thể phù hợp từng nội dung. Trong đó, phương pháp lịch sử và phương pháp logic là cần thiết khi nghiên cứu.

- Vận dụng phương pháp liên ngành trong nghiên cứu.

- Cần phải đổi mới và hiện đại hóa các phương pháp nghiên cứu cụ thể trên cơ sở không ngừng phát triển và hoàn thiện về lý luận và phương pháp luận khoa học nói chung.

## **III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC**

### **1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác**

- TT HCM định hướng cho Đảng và nhân dân thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Làm cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của TT Hồ Chí Minh đối với cách mạng. Làm cho TT của người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.

- Bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách mạng. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Tích cực chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lenin, TT Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta. Biết vận dụng TT Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

## **2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị**

Tư tưởng Hồ Chí Minh giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên và toàn dân biết sống hợp đạo lý, yêu cái tốt, cái thiện, ghét cái xấu, cái ác.

Học tập TT Hồ Chí Minh giúp nâng cao lòng tự hào về Người, về Đảng Cộng Sản, về Tổ quốc, tự nguyện “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Sinh viên biết vận dụng vào việc tu dưỡng, rèn luyện và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng đã lựa chọn.

## **CHƯƠNG I.**

### **CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

#### **I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

##### **1. Cơ sở khách quan**

##### **a. Bối cảnh lịch sử hình thành TT Hồ Chí Minh**

##### **- Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến động.



Trong nước, triều Nguyễn đã từng bước khuất phục Pháp, thừa nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

Đến cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa dưới khẩu hiệu “Cần vương” cuối cùng đã thất bại. Hệ tư tưởng phong kiến tỏ ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

Các cuộc khai thác của thực dân Pháp khiến cho xã hội ta có sự chuyển biến và phân hóa, giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản xuất hiện, tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

Vào thời điểm đó, dưới sự ảnh hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản và Trung Quốc, phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản.

Phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, các sĩ phu nho học có tư tưởng tiến bộ, tiêu biểu như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã cố gắng tổ chức và vận động cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp theo mục tiêu và phương pháp mới. Tuy nhiên, chủ trương cầu ngoại viện, dùng bạo lực để khôi phục độc lập của Phan Bội Châu đã thất bại. Chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ”, khai thông dân trí, nâng cao dân khí trên cơ sở đó mà tính chuyện giải phóng của Phan Chu Trinh cũng thất bại. Hoàng Hoa Thám lại theo con đường mang tính phong kiến, chưa có hướng đi đúng đắn.

Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi, phải đi theo một con đường mới.

### **- Bối cảnh thời đại**

Lịch sử thế giới có những biến chuyển to lớn.

CNTB từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền đã xác lập quyền thống trị trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc đã trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa.

Các nước nhược tiểu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latin, sự bóc lột phong kiến trước kia vẫn còn và bao trùm lên nó là sự bóc lột TBCN. Các giai cấp, tầng lớp xã hội mới xuất hiện, trong đó có công nhân và tư sản.

Đầu thế kỷ XX, cách mạng Tháng Mười Nga thành công năm 1917, đã làm “thức tỉnh các dân tộc châu Á”. Cuộc cách mạng này đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người.

## **b. Những tiền đề tư tưởng – lý luận**

- Giá trị truyền thống dân tộc
- Tinh hoa văn hóa nhân loại
- Chủ nghĩa Mác – Lênin

### **2. Nhân tố chủ quan**

- Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh
- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn...

## **II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

### **1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước**

- Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân.

- Từ những ảnh hưởng của người cha, Hồ Chí Minh tiếp cận những tư tưởng mới của thời đại và nâng lên thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình. Người mẹ - bà Hoàng Thị Loan – cũng ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Sinh Cung về đức tính nhân hậu, chan hòa với mọi người.

- Nghệ Tĩnh là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, truyền thống lao động, tinh thần yêu nước...

- Phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của gia đình, của quê hương với sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra sự hạn chế của những người đi trước. Người đã định hướng đi mới: phải tìm hiểu bản chất của Tự do, Bình đẳng, Bác ái của nước Pháp, phải ra nước ngoài xem họ làm thế nào, trở về giúp đồng bào mình.

### **2. Thời kỳ từ năm 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc**

- Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, hướng đến các nước phương Tây.

Sự kiện này xuất phát từ ý thức dân tộc, từ hoài bão cứu nước.

Sau khi đến nhiều nước, Người nhận thấy, ở đâu người dân cũng mong muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột.

Với lòng yêu nước nồng nàn, Người kiên trì chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ.

Luận cương của V.I.Lenin (*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*) đã giải đáp cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập dân tộc, tự do cho đồng bào, đáp ứng những tình cảm và suy nghĩ, hoài bão bấy lâu ở Người.

Với việc biểu quyết tán thành quốc tế III, tham gia thành lập Đảng CS Pháp (12/1920), trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu bước chuyển về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc.

Việc xác định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc là công lao to lớn đầu tiên của Người, đã gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân ta đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lenin.

### **3. Thời kỳ từ năm 1921 – 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam**

Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận rất phong phú, sôi nổi trên địa bàn Pháp (1921-1923), Liên Xô (1923-1924), Trung Quốc (1924-1927), Thái Lan (1928-1929). Trong giai đoạn này, TT Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản.

Các tác phẩm: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (1930),...

Những nội dung căn bản:

- Bản chất của chủ nghĩa thực dân là “ăn cướp” và “giết người”. vì vậy, chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

- Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải theo con đường cách mạng vô sản và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít với nhau nhưng không phụ thuộc vào nhau.

- Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc “dân tộc cách mệnh”.
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước nông nghiệp lạc hậu, muốn giành thắng lợi phải thu phục và lôi cuốn nông dân đi theo, cần xây dựng khối liên minh công – nông làm động lực cho cách mạng.
- Cách mạng muốn thành công trước hết phải có đảng lãnh đạo.
- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân.

#### **4. Thời kỳ từ năm 1930 – 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng**

Trên cơ sở xác định đúng đắn con đường cần phải đi của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản, chống lại những biểu hiện tả khuynh trong đảng.

#### **5. Thời kỳ từ năm 1945 – 1969: Tiếp tục phát triển, hoàn thiện**

- Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp núp bóng quân đội Anh gây hấn ở Nam bộ. Miền Bắc, quân Tưởng hơn 20 vạn cũng kéo vào âm mưu tiêu diệt Đảng ta.

Người chủ trương củng cố chính quyền non trẻ, đẩy lùi giặc đói, giặc dốt, khắc phục nạn tài chính thiếu hụt.

Về đối ngoại, Người vận dụng sách lược khôn khéo, mềm dẻo, thêm bạn, bớt thù, tranh thủ thời gian để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Từ đây, Người là linh hồn của cuộc kháng chiến. Người đề ra đường lối *vừa kháng chiến vừa kiến quốc*, thực hiện *kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh*.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta thắng lợi.

Sau hiệp định Giơnevơ, miền Bắc hoàn toàn giải phóng nhưng vẫn còn bị chia cắt bởi âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai.

Đứng trước yêu cầu cách mạng mới, Hồ Chí Minh cùng Trung Ương Đảng đã xác định kẻ thù của nhân dân Việt Nam, đề ra cho mỗi miền Nam, Bắc nhiệm vụ khác nhau.

Xuất phát từ thực tiễn, trong suốt quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiều vấn đề đã tiếp tục được bổ sung và phát triển, như: tư

tưởng về CNXH và con đường quá độ lên CNXH; tư tưởng về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng và chiến lược về con người,...

### **III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

#### **1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc**

##### **a. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam**

- TT HỒ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại, mãi trường tồn, bất diệt, là tài sản vô giá của dân tộc ta.

- Tính sáng tạo của TT HỒ Chí Minh được thể hiện ở chỗ: trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác – Lenin, đồng thời loại bỏ những gì không phù hợp với dân tộc.

TT HỒ Chí Minh đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn với những hoạt động cách mạng của Người.

Nét đặc sắc nhất trong TT HỒ Chí Minh là những vấn đề xung quanh việc giải phóng dân tộc và định hướng cho sự phát triển của dân tộc.

##### **b. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam**

TT HỒ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

TT HỒ Chí Minh là nền tảng vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn dắt toàn đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới thắng lợi.

#### **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự phát triển thế giới**

##### **a. Phản ánh khát vọng thời đại**

Ngay trong những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với quá trình hình thành cơ bản TT HỒ Chí Minh, Người đã có những cống hiến xuất sắc về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lenin.

HỒ Chí Minh đã hình thành một hệ thống các luận điểm chính xác và đúng đắn về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, góp phần vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lenin.

## **b. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người**

- Đóng góp lớn nhất của HỒ Chí Minh đối với thời đại là việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc đến việc xác định một con đường cách mạng, một hướng đi, và tiếp theo là một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức trong các nước thuộc địa lạc hậu.

- Người đã xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung và lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, và để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc, cần phải thực hiện đại đoàn kết, đại hòa hợp.

- Nắm bắt được xu thế của thời đại, HỒ Chí Minh đề ra đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam.

## **c. Cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả**

HỒ Chí Minh đã làm sống lại những giá trị tinh thần của dân tộc ta.

Lần đầu tiên trong lịch sử ta, dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của HỒ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân xóa bỏ mọi hình thức bóc lột, áp bức và xây dựng CNXH trên cả nước.

Trong lòng nhân dân thế giới, Chủ tịch HỒ Chí Minh là bất diệt, cuộc chiến đấu của người sẽ là kim chỉ nam cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh, cho thanh niên và các nhà lãnh đạo trên toàn thế giới.

## **CHƯƠNG II.**

### **TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**

#### **I. TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC**

##### **1. Vấn đề dân tộc thuộc địa**

##### **a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa**

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc

Hồ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung, mà quan tâm đến các thuộc địa, vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Hồ Chí Minh viết nhiều tác phẩm tố cáo chủ nghĩa thực dân, vạch trần cái gọi là “khai hóa văn minh” của chúng.

C.Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống CNTB, Lenin bàn về cuộc đấu tranh chống CNĐQ, Hồ Chí Minh tập trung bàn về đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. C.Mác và Lenin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước TBCN, Hồ Chí Minh bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha và lịch sử nhân loại, Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội.

Hoạch định con đường phát triển của dân tộc thuộc địa là một vấn đề hết sức mới mẻ. Từ một nước thuộc địa đi lên CNXH phải trải qua nhiều giai đoạn chiến lược khác nhau.

“Đi tới xã hội cộng sản” là hướng phát triển lâu dài. Nó quy định vai trò lãnh đạo của ĐCS, đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, tiến hành cách mạng chống đế quốc và phong kiến cho triệt để.

## **b. Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa**

- *Cách tiếp cận từ quyền con người.*

Chí Minh rất trân trọng quyền con người, đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người trong *Tuyên ngôn độc lập 1776* của nước Mỹ, *tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791* của cách mạng Pháp.

Từ đó Người đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

- *Nội dung của độc lập dân tộc.*

Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa.

Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Vec xây bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

Tháng 5/1941 Người chỉ đạo thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh*, ra báo *Việt Nam độc lập*, thảo *Mười chính sách của Việt Minh*, trong đó mục tiêu đầu tiên là: “Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền” .

Cách mạng tháng Tám thành công, Người đọc *Tuyên ngôn độc lập*, nêu cao quyền tự do, độc lập của dân tộc.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Hồ Chí Minh thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc: “*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”.

Khi Đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, Người nêu cao chân lí lớn nhất của thời đại: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”.

Chân lí trên vừa là hành động của dân tộc ta, vừa cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa thực dân. Vì thế Người không chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam mà còn là “Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX”.

### **c. Chủ nghĩa dân tộc - một động lực lớn của đất nước**

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, người đã nhận thấy sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc thuộc địa càng nặng nề, thì phản ứng của dân tộc bị áp bức ngày càng quyết liệt.

Cùng với sự kết án chủ nghĩa thực dân và cổ vũ các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh, Hồ Chí Minh khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”.

Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với tư cách là chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa. Đó là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào.

Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Người đã đề cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc mà những



người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, và cho rằng, đó là “một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời”.

## **2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp**

### **a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau**

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước nhưng luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn đó thể hiện ở: khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng CS trong quá trình cách mạng Việt Nam; chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh giai cấp công – nông và trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng; thiết lập chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân; gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với CNXH,...

### **b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với CNXH**

Ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo con đường của các mạng vô sản, ở Người đã có sự thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với CNXH.

TT Hồ Chí Minh phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Người khẳng định: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu CNXH, vì có tiến lên CNXH thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”.

### **c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp**

Người giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc.

Giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. vì thế, lợi ích giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

### **d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác**

Người nêu cao tinh thần tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, nhưng không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người chủ trương, phải bằng thắng lợi của cách mạng của mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

TT Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

### 1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

#### a. Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa

Hồ Chí Minh nhận thấy sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như ở các nước tư bản phương Tây. Các giai cấp ở thuộc địa có sự khác nhau ít nhiều, nhưng đều chung một số phận mất nước, giữa họ có sự tương đồng lớn: số phận của người nô lệ mất nước.

Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân.

Dưới tác động của các chính sách khai thác kinh tế và những chính sách cai trị của chủ nghĩa đế quốc, mỗi giai cấp ở thuộc địa có địa vị kinh tế, thái độ chính trị khác nhau, thậm chí có lợi ích phát triển ngược chiều nhau nhưng mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với đế quốc đi xâm lược và tay sai của chúng.

*Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải là giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.*

Cách mạng xã hội là lật đổ nền thống trị hiện có và thiết lập một chế độ xã hội mới. Cách mạng ở thuộc địa trước hết phải “lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc”, chứ chưa phải là cuộc cách mạng xóa bỏ tư hữu, sự bóc lột nói chung.

*Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc.*

Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc.

*Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng xác định những nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, nhưng nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.

## **b. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc**

Cách mạng giải phóng dân tộc nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân.

Mục tiêu cấp thiết của cách mạng ở thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng cho mỗi giai cấp mà là quyền lợi chung của cả dân tộc.

Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ trương thay đổi “chiến lược, từ nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, sang nhấn mạnh đấu tranh dân tộc.”

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, cũng như toàn thắng 1975, trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh.

## **2. Con đường giải phóng dân tộc thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản**

### **a. Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó**

Tất cả những cuộc đấu tranh, những phong trào cứu nước trước đó (trước giai đoạn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh) đều thất bại. Đất nước ta lâm vào “tình hình đen tối tưởng như không có đường ra”. Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX này đặt ra yêu cầu bức thiết phải tìm một con đường cứu nước mới.

Mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của cha ông, nhưng Người không tán thành các con đường của họ, mà quyết tâm tìm con đường mới.

### **b. Cách mạng tư sản là không triệt để**

Người đọc *tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ, tìm hiểu thực tiễn cuộc cách mạng tư sản Mỹ; đọc *tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp, tìm hiểu cách mạng tư sản Pháp. Người nhận thấy: cách mạng Pháp cũng như cách mạng

Mỹ, nghĩa là cách mạng tư sản là cách mạng không đến nơi, cách mạng không triệt để. Bởi vậy, Người không đi theo con đường của cách mạng tư sản.

### **c. Con đường giải phóng dân tộc**

Hồ Chí Minh nhận thấy cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là cách mạng vô sản mà còn là cách mạng dân tộc. Người nhận thấy trong lý luận của V.I.Lenin một phương hướng mới để giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản.

Trong bài *Cuộc kháng Pháp*, Người viết: “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”.

Vượt qua các nhà tư tưởng và cách mạng đương thời, người đến với chủ nghĩa Mác – Lenin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

### **3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng cộng sản lãnh đạo**

#### **a. Cách mạng trước hết phải có Đảng**

Muốn làm cách mạng trước phải làm cho dân giác ngộ...phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy”.

#### **b. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất**

Năm 1930, Người sáng lập Đảng CS Việt Nam, là một chính đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lenin làm nòng cốt, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, mật thiết liên lạc với quần chúng.

Kết hợp lý luận Mác – Lenin về Đảng CS với thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lenin trên một loạt

vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng nên một lý luận cách mạng giải phóng dân tộc.

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Đây là một đặc điểm, cũng là một ưu điểm của Đảng. Do đó, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu bảo đảm cho mọi thắng lợi của Đảng.

#### **4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc**

##### **a. Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức**

Năm 1924, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân.

Người khẳng định: “cách mệnh là việc chung chứ không phải là việc của một hai người”. Quan điểm “lấy dân làm gốc” xuyên suốt quá trình chỉ đạo đấu tranh cách mạng của Người.

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi.

##### **b. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc**

Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc. Trong lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh rất nhấn mạnh vai trò, động lực cách mạng của công nhân và nông dân. Người phân tích: các giai cấp công nhân và nông dân có số lượng đông nhất, nên có sức mạnh lớn nhất. họ lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên “lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết... Công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Từ đó, Người khẳng định: công nông “là gốc cách mệnh”.

Hồ Chí Minh không xem nhẹ vai trò của các giai cấp và tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng.

**5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc**

### **a. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo**

Người khẳng định: “Tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa...”

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn.

Trong khi yêu cầu Quốc tế Cộng sản và các đảng công sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng.

### **b. Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc**

Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này, vô hình trung đã làm giảm tính năng động và sáng tạo của cách mạng thuộc địa.

Theo Hồ Chí Minh, hai cuộc cách mạng này có mối quan hệ với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ chính – phụ.

Nhận thức đúng vai trò và vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Người cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đây là một luận điểm sáng tạo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn lớn, góp phần vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lenin, đã được thực tiễn chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

## **6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực**

### **a. Tính tất yếu của bạo lực cách mạng**

Đánh giá đúng bản chất cực kỳ phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh vạch rõ tính tất yếu của bạo lực cách mạng: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.

Quan triet quan diem cua chu nghia Mac – Lenin, coi su nghiep cach mang la su nghiep cua quần chúng, Hồ Chí Minh coi bạo lực là bạo lực của quần chúng.

Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc 1940 – 1945, Người và Trung ương Đảng chỉ đạo xây dựng cơ sở của bạo lực cách mạng gồm 2 lực lượng: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Theo sáng kiến của Người, Mặt trận Việt Minh được thành lập. Đó là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị quần chúng, một lực lượng cơ bản và giữ vai trò quyết định trong tổng khởi nghĩa vũ trang.

Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Trong chiến tranh cách mạng, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định trong việc làm thất bại những âm mưu quân sự và chính trị của chúng.

### **b. Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình**

TT Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các đế quốc xâm lược. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình.

Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng.

Tư tưởng bạo lực cách mạng với tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau.

### **c. Hình thái bạo lực cách mạng**

Theo Người, trong sự nghiệp cách mạng, kháng chiến, kiến quốc, “lực lượng chính là ở dân”. Người chủ trương tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân.

Xuất phát từ tương quan lực lượng, Hồ Chí Minh không chủ trương tiến hành chiến tranh thông thường mà chủ trương phát động chiến tranh nhân dân, dựa vào lực lượng toàn dân, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, phương châm chiến lược đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét đặc sắc trong TT Hồ Chí Minh về hình thái của bạo lực cách mạng. Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị.

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế. Người chủ trương: “vừa đánh vừa đàm”, “đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”.

Đấu tranh kinh tế là ra sức gia tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch.

Chiến tranh về mặt văn hóa hay tư tưởng cũng không kém phần quan trọng.

Mục đích cách mạng và chiến tranh chính nghĩa – vì độc lập, tự do, làm cho khả năng chiến tranh nhân dân trở thành hiện thực, làm cho toàn dân tự giác tham gia kháng chiến.

Trước những kẻ thù lớn mạnh, Người chủ trương sử dụng phương châm chiến lược cách mạng lâu dài.

Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng, nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động, trông chờ sự giúp đỡ bên ngoài.

Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế là một quan điểm nhất quán trong TT Hồ Chí Minh.

## **KẾT LUẬN**

### **1. Làm phong phú học thuyết mác – Lenin về cách mạng thuộc địa**

- Về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc
- Về phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc

### **2. Soi đường thắng lợi cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam**

- Thắng lợi của cách mạng tháng tám năm 1945
- Thắng lợi của 30 năm chiến tranh cách mạng 1945 – 1975

## **CHƯƠNG III.**

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN**

#### **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

#### **I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CNXH Ở VIỆT NAM**



## **1. Tính tất yếu của CNXH ở Việt Nam**

HỒ Chí Minh quan niệm: tiến lên CNXH là bước phát triển tất yếu ở Việt Nam sau khi nước nhà đã giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản.

Mục tiêu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản là nước nhà được độc lập, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, khi đã tin theo chủ nghĩa Mác – Lenin, Người đã khẳng định rằng: “chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới TBCN cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”.

## **2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

### **a. Cách tiếp cận của HỒ Chí Minh về CNXH**

- HỒ Chí Minh tiếp thu lý luận về CNXH của lý luận Mác – Lenin trước hết là từ khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam

- HỒ Chí Minh tiếp cận CNXH ở một phương diện nữa là đạo đức, hướng tới giá trị nhân đạo, nhân văn mác-xít, giải quyết tốt quan hệ giữa cá nhân với xã hội theo quan điểm của c.mác, Ph.Ăngghen trong bản tuyên ngôn của đảng cộng sản đã công bố tháng 2 - 1848: Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

- Bao trùm lên tất cả là HỒ Chí Minh tiếp cận CNXH từ văn hóa.

Văn hóa trong chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có quan hệ biện chứng với chính trị, kinh tế.

Nhân dân ta xây dựng một xã hội như vậy theo quan điểm HỒ Chí Minh là tuân theo quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam: độc lập dân tộc và cnxh gắn liền với nhau.

### **b. Bản chất và đặc trưng tổng quát của CNXH**

- Người có quan niệm tổng quát khi coi CNCS, CNXH như là một chế độ xã hội bao gồm các mặt rất phong phú, hoàn chỉnh, trong đó, con người được phát triển

toàn diện, tự do. Trong một xã hội như thế, mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm mục tiêu giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt quan niệm về CNXH ở Việt Nam trên một số mặt nào đó của nó, như chính trị, kinh tế, văn hóa,... với cách diễn đạt như thế, chúng ta không nên tuyệt đối hóa từng mặt, hoặc tách rời từng mặt của nó, mà phải đặt trong một tổng thể chung.

- Hồ Chí Minh quan niệm về CNXH ở nước ta bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, là “làm sao cho dân giàu nước mạnh”,... là “nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”...

- Hồ Chí Minh nêu CNXH ở Việt Nam trong ý thức, động lực của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam. Đó là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, động lực của toàn dân tộc. Cho nên, với động lực xây dựng CNXH ở Việt Nam, sức mạnh tổng hợp được phát huy, đó là sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Đặc trưng tổng quát của CNXH ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, cũng trên cơ sở của lý luận Mác – Lenin, nghĩa là trên những mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Còn về cụ thể, chúng ta thấy Hồ Chí Minh nhấn mạnh chủ yếu trên những điểm sau đây:

- + Đó là một chế độ do nhân dân lao động làm chủ
- + CNXH là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học – kỹ thuật
- + CNXH là chế độ không còn người bóc lột người
- + CNXH là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức

### **3. Quan điểm Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam**

#### **a. Mục tiêu**

Hồ Chí Minh ý thức được rõ ràng giá trị của CNXH về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm được con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng là để ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng CNXH trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau ở nước ta.

Tiếp cận CNXH về phương diện mục tiêu là một nét thường gặp, thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của Người.

Trực tiếp: “Mục đích của CNXH là gì? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”. Hoặc “Mục tiêu của CNXH là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”.

Diễn giải thành những tiêu chí cụ thể: “CNXH là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là CNXH”.

Gián tiếp, trong bản Tài liệu tuyệt đối bí mật (*Di chúc*), Hồ Chí Minh viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Hồ Chí Minh quan niệm, mục tiêu cao nhất của CNXH là nâng cao đời sống nhân dân. Đó là sự tin tưởng cao độ vào lý tưởng vì dân.

Hồ Chí Minh xác định các mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên CNXH trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

- *Mục tiêu chính trị*: trong thời kỳ quá độ, chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước có 2 chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Người chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng; củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ ràng chức năng của chúng.

- *Mục tiêu kinh tế*: chế độ chính trị của CNXH chỉ được đảm bảo và đứng vững trên cơ sở nền kinh tế vững mạnh.

Nền kinh tế XHCN cần phát triển toàn diện mà chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp. Trong đó, công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà.

- *Mục tiêu văn hóa – xã hội*: văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng XHCN. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội.

Về bản chất của nền văn hóa XHCN, Người khẳng định: “Phải XHCN về nội dung”. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Phải làm cho phong trào văn hóa vừa có bề rộng vừa có bề sâu.

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng XHCN là đào tạo con người. Người cho rằng, muốn có con người XHCN, phải có tư tưởng XHCN.

Người luôn nhấn mạnh việc trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng; đồng thời quan tâm đến phát triển tài năng, luôn tạo điều kiện để mọi người cống hiến xã hội. Người gắn liền tài năng với đạo đức. Mọi người cần phải vừa có đức, vừa có tài, vừa hồng vừa chuyên.

## **b. Động lực**

Để thực hiện những mục tiêu đó, cần phát hiện những động lực và những điều kiện đảm bảo cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng CNXH, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của CNXH.

Những động lực đó biểu hiện ở những phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh. Người khẳng định động lực quan trọng nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công – nông – trí thức.

Người nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân với xã hội. Người quan niệm rằng, không có chế độ nào coi trọng lợi ích chính đáng của nhân dân bằng chế độ XHCN.

Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp cách mạng XHCN đến thành công.

Người coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà giàu có, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

Người cũng quan tâm đến động lực văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH.

Làm thế nào để những năng lực tiềm tàng đó có thể trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển, Người nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của CNXH. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của CNXH.

Ngoài ra, HỒ Chí Minh quan niệm, cần phải kết hợp với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, phải sử dụng tốt những kết quả khoa học – kỹ thuật,...

Nét độc đáo của Người là bên cạnh việc chỉ ra các nguồn lực phát triển của CNXH, còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của CNXH, làm cho CNXH trở nên trì trệ, không có sức hấp dẫn – đó là tham ô, lãng phí, quan liêu,...mà Người gọi là “giặc nội xâm”. Giữa nội lực và ngoại lực, HỒ Chí Minh xác định rõ, nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng.

## **II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM**

### **1. Con đường...**

#### **a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ**

Theo các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác – Lênin thì có 2 con đường quá độ lên CNXH là quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên CNXH của chủ nghĩa Mác – Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình cụ thể thực tế Việt Nam, HỒ Chí Minh đã chọn con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên CNXH. Như vậy, quan niệm của HỒ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên CNXH là quan niệm về một hình thái quá độ gián tiếp cụ thể - quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, sau khi giành độc lập dân tộc quá độ lên CNXH.

Trong thời kỳ quá độ, nước ta có đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên CNXH không kinh qua giai đoạn phát triển TBCN. Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện ngay trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Người đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn

cơ bản của thời kỳ này là giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

### **b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam**

Theo Hồ Chí Minh, thực chất của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là quá trình cải biến nền kinh tế sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Thực chất của quá trình này cũng là quá trình đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, phức tạp trong điều kiện mới.

Do những đặc điểm và tính chất quy định, quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài. Nhiệm vụ của thời kỳ này gồm 2 nội dung lớn:

*Một là*, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho CNXH.

*Hai là*, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng làm trọng tâm, chủ chốt, lâu dài.

Tính chất phức tạp của thời kỳ này được Người lý giải trên các điểm sau:

*Thứ nhất*, thực sự đây là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

*Thứ hai*, trong sự nghiệp xây dựng CNXH, Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế.

*Thứ ba*, sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta luôn luôn bị các thế lực phản động, thù địch trong và ngoài nước tìm cách chống phá.

Từ đó, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng CNXH phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan và đốt cháy giai đoạn. Vì vậy, xây dựng CNXH đòi hỏi phải có một năng lực lãnh đạo mang tính khoa học, lại phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.

### **c. Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ**

Công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta là một sự nghiệp cách mạng toàn diện. Người đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

- *Chính trị*: nội dung quan trọng nhất là phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải luôn tự đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

Người quan tâm vấn đề làm sao cho Đảng cầm quyền mà không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, biến chất,...

Củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công – nông – trí thức, do Đảng lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- *Kinh tế*: Hồ Chí Minh đề cập các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và cơ chế quản lý kinh tế.

Người nhấn mạnh tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa XHCN.

Người quan niệm độc đáo về cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp. Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Người lưu ý phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế hải đảo và các vùng núi.

Ở nước ta, Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ. Người xác định rõ vị trí, vai trò và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế. nước ta cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh tạo nền tảng vật chất cho CNXH.

Bên cạnh chế độ và quan hệ sở hữu, Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt các đòn bẩy trong phát triển sản xuất.

#### **- Văn hóa – xã hội:**

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc xây dựng con người mới. Đặc biệt Người đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học – kỹ thuật trong xã hội XHCN. Người rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, khẳng định vai trò to lớn của văn hóa trong đời sống xã hội.

## **2. Biện pháp...**

### **a. Phương châm**

Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Người đề ra 2 nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

- Xây dựng CNXH là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về xây dựng chế độ mới. Học tập kinh nghiệm của các nước anh em nhưng không sao chép giáo điều, máy móc.

- Xác định bước đi và biện pháp xây dựng CNXH chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

### **b. Biện pháp**

Quán triệt 2 nguyên tắc phương pháp luận trên, Hồ Chí Minh xác định phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng CNXH: dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và việc xác định các bước đi phải luôn căn cứ vào các điều kiện khách quan quy định. Hồ Chí Minh nhận thức về phương châm “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH” không có nghĩa làm bừa, làm ẩu, chủ quan duy ý chí, mà phải làm từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế.

Người đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hóa XHCN, coi đó là “Con đường phải đi của chúng ta, là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH. Công nghiệp hóa có thể thực hiện thắng lợi trên cơ sở xây dựng và phát triển nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu thiết yếu cho xã hội.

Trên thực tế, Người đã chỉ đạo một số cách làm cụ thể sau đây:

- Thực hiện cải tạo XH cũ, xây dựng XH mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

- Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền Nam – Bắc khác nhau trong phạm vi 1 quốc gia.

- Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.



- Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng CNXH là đem của dân, tài dân, sức dân, làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam.

Nói cách khác, phải biến sự nghiệp xây dựng CNXH thành sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của quần chúng lao động.

## **CHƯƠNG IV. TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

### **I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

#### **1. VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Khi đề cập đến sự ra đời của Đảng CS Việt Nam, bên cạnh 2 yếu tố chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân, Người còn nêu lên yếu tố thứ ba là phong trào yêu nước.

Người thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam và quá trình hình thành Đảng CS Việt Nam. Đồng thời, Người đánh giá cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam trong việc sắp xếp lực lượng cách mạng.

Phong trào yêu nước trở thành yếu tố thứ ba hình thành Đảng CS Việt Nam vì những lý do sau:

*Một là*, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam

Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó có mục tiêu chung.

Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân.

Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng CS Việt Nam

## **2. Vai trò của Đảng CS Việt Nam**

Sức mạnh to lớn của nhân dân chỉ phát huy khi được tập hợp, đoàn kết và được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị là Đảng CS Việt Nam. Người khẳng định: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi”, giai cấp mà không có đảng thì không làm cách mạng được. Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn khởi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng”.

Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ; chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để lãnh đạo để tổ chức giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền.

Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo.

Vai trò lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức chính trị nào thay thế được.

## **3. Bản chất của Đảng Cộng Sản Việt Nam**

Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng CS Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân”.

Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh hoàn toàn tuân thủ những quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Nhưng Người còn có một cách thể hiện khác về vấn đề “*đảng của ai*”. Trong báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951), Hồ Chí Minh nêu rõ: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của

dân tộc là một”. Năm 1957, HỒ Chí Minh khẳng định: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc.

Tuy vậy, quan điểm nhất quán của HỒ Chí Minh về bản chất giai cấp của đảng là Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân. Điều này cũng giống như Đảng ta đã mang tên là đảng lao động nhưng bản chất giai cấp của đảng chỉ là bản chất của giai cấp công nhân.

Người khẳng định bản chất giai cấp công nhân của đảng ta dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, tuy số lượng ít so với dân số nhưng có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng.

Bản chất giai cấp của đảng là bản chất giai cấp công nhân nhưng quan niệm đảng không những là đảng của giai cấp công nhân mà còn là đảng của nhân dân lao động của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Đảng CS Việt Nam đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc cho nên nhân dân Việt Nam coi đảng CS Việt Nam là Đảng của chính mình.

#### **4. Quan niệm về Đảng CS Việt Nam cầm quyền**

##### **a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành đảng cầm quyền**

HỒ Chí Minh – một trong những người sáng lập Đảng CS Pháp, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam – đã sớm xác định độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Từ lý tưởng cao cả ấy, Người nhận thấy cần phải có một Đảng CS để lãnh đạo phong trào cách mạng, thực hiện mục tiêu nói trên. Chính vì vậy, từ năm 1920, Người tích cực chuẩn bị cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập đảng. Tới năm 1930, Đảng CS Việt Nam ra đời, đánh dấu một trang sử mới trong lịch sử dân tộc ta.

Trong *Đường cách mệnh*, HỒ Chí Minh đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của đảng cách mạng – nhân tố đầu tiên, quyết định sự thắng lợi của cách mạng. Người chỉ rõ, công – nông là gốc cách mạng, nhưng “trước phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, mới là chủ, là gốc cách mạng được.

Để đảng lãnh đạo vững được thì cần “phải có chủ nghĩa làm cốt”. thành lập đảng là để mọi thành viên trong đảng đó thống nhất về tư tưởng, từ đó, thống nhất trong hành động nên “trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”.

Tóm lại, HỒ Chí Minh nhất quán cho rằng, cách mạng Việt Nam muốn thành công phải theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

Như vậy, Đảng CS Việt Nam là đảng cách mạng chân chính, mang bản chất của giai cấp công nhân. Đảng lãnh đạo giai cấp vô sản, lãnh đạo cách mạng Việt Nam là để có cuộc sống tự do, hạnh phúc cho toàn thể dân tộc.

Chỉ có một đảng như thế mới có thể đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, phần vinh cho đất nước và đưa cả nước lên CNXH.

Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó cũng là thời điểm Đảng CS Việt Nam trở thành đảng cầm quyền.

### **b. Quan niệm của HỒ Chí Minh về đảng cầm quyền**

“Đảng cầm quyền” là khái niệm dùng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp mình.

Cụm từ “Đảng cầm quyền” được HỒ Chí Minh ghi trong bản *Di chúc* của người năm 1969. Theo HỒ Chí Minh, đảng cầm quyền là đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước và đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

Bản chất của Đảng CS Việt Nam không thay đổi. Mục đích, lý tưởng vẫn là giải phóng giai cấp, triệt để giải phóng con người, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân và tiến lên CNXH. Với Chủ tịch HỒ Chí Minh, “độc lập – tự do – hạnh phúc” là bản chất của CNXH. Đó là điểm xuất phát để xây dựng đảng ta xứng đáng là “Đảng cầm quyền”.

#### ***Mục đích, lý tưởng của đảng cầm quyền:***

Theo Hồ Chí Minh, đảng ta không có lợi ích nào ngoài lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả nhất của đảng ta không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

***Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.***

Quan điểm này là sự vận dụng hết sức sáng tạo lý luận Mác – Lênin về Đảng vô sản kiểu mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam “là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật sự trung thành của nhân dân”. Xác định “người lãnh đạo” là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của đảng đối với toàn bộ xã hội và khi có chính quyền, đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước. Đối tượng lãnh đạo của đảng là toàn thể quần chúng nhân dân trong toàn dân tộc, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân – mà trước hết là quần chúng nhân dân lao động. Nhưng muốn lãnh đạo được nhân dân lao động, trước hết đảng phải có tư cách, phẩm chất, năng lực cần thiết.

Theo Người, lãnh đạo phải bằng giáo dục, thuyết phục, nghĩa là Đảng phải làm cho dân tin, dân phục để dân theo. Đảng lãnh đạo nhưng toàn bộ quyền hành và lực lượng đều ở nhân dân, cho nên đảng “phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép nhân dân”, mà phải giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ dân chúng để thức tỉnh họ. Đồng thời, Đảng phải tổ chức, lãnh đạo họ và đoàn kết họ thành một khối thống nhất, hướng dẫn họ hành động. Vì vậy, chức năng lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống XH, phải quan tâm chăm lo đời sống nhân dân từ việc to đến việc nhỏ.

Đảng là người lãnh đạo nhưng phải sâu sát, gần bó chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Đảng phải thực hành triệt để dân chủ, mà trước hết là dân chủ trong nội bộ đảng để phát huy được mọi khả năng trí tuệ sáng tạo của quần chúng; lãnh đạo nhưng phải chống bao biện, làm thay, phải thông qua chính quyền nhà nước “của dân, do dân và vì dân” để đảng thực hiện quyền lãnh đạo của mình đối với toàn bộ xã hội. Do đó, Đảng phải lãnh đạo nhà nước một cách toàn diện, mà trong đó, trước hết là lãnh đạo xây dựng pháp luật để quản lý, điều hành xã hội; đồng thời, đảng phải coi

trong công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức hoạt động trong bộ máy nhà nước, luôn đảm bảo cho nhà nước thực sự vững mạnh, trong sạch, thực sự là nhà nước “của dân, do dân và vì dân”.

Để thực hiện đầy đủ chức năng của đảng với tư cách là người lãnh đạo, Người còn đề cập việc đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên, cán bộ đảng.

Theo Hồ Chí Minh, đảng cũng là người đẩy tớ của nhân dân, nghĩa là, phải tận tâm, tận lực phục vụ, phụng sự cho nhân dân, mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

Ý nghĩa cụm từ “đẩy tớ trung thành của nhân dân” còn đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi; thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Còn phải biết tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân đi theo đảng, đưa sự nghiệp cách mạng đến thành công.

Như vậy, “là người lãnh đạo”, “là người đẩy tớ” tuy là 2 khái niệm nhưng đều được Hồ Chí Minh sử dụng và chỉ ra sự gắn bó thống nhất, mối quan hệ biện chứng giữa chúng.

### ***Đảng cầm quyền, dân là chủ***

Vấn đề quan trọng nhất của một cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Theo C.Mác, đó cũng mới chỉ là cánh cửa vào xã hội mới, chứ chưa phải là xã hội mới. Vì vậy, vấn đề quan trọng là chính quyền thuộc về ai. Hồ Chí Minh nghiên cứu cách mạng thế giới và rút ra kết luận: “Cách mạng rồi thì giao quyền cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”. Như vậy, chính quyền phải thuộc về nhân dân, Người đã đề cập việc xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới, một khi xa rời nguyên tắc này, Đảng sẽ trở thành đối lập với nhân dân. Dân làm chủ, đảng lãnh đạo, đảng phải lấy “dân làm gốc”.

Mặt khác, dân muốn làm chủ thì phải theo đảng, phải biết lợi ích và bổn phận của mình tham gia vào xây dựng chính quyền.

Với tư tưởng nhân văn cao cả về mối quan hệ biện chứng giữa đảng với dân, Hồ Chí Minh luôn suy tư, trăn trở tìm giải pháp hữu hiệu nhằm thực hiện nguyên tắc dân làm chủ, dân làm gốc.

## **II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH**

### **1. Xây dựng đảng – quy luật tồn tại và phát triển của đảng**

Tư tưởng này giữ một vị trí rất quan trọng trong di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người liên tục đề cập vấn đề xây dựng và chỉnh đốn đảng, hình thành một hệ thống quan điểm nhất quán.

Với Người, xây dựng đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để đảng hoàn thành vai trò tiên phong của mình trước giai cấp, trước dân tộc và nhân dân. Xây dựng đảng là một nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Ngay cả trên đà thắng lợi, cũng cần đến xây dựng đảng để xây dựng những quan điểm, tư tưởng cách mạng khoa học, ngăn ngừa chủ quan, tự mãn.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn đảng gắn liền với sự tồn tại của đảng; còn đảng, còn hoạt động, còn cần phải tổ chức xây dựng, chỉnh đốn.

Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng được Hồ Chí Minh lý giải hết sức thuyết phục theo các căn cứ sau:

- Xây dựng, chỉnh đốn đảng bị chế định bởi quá trình phát triển liên tục của sự nghiệp cách mạng do đảng lãnh đạo. sự nghiệp cách mạng do đảng lãnh đạo là một quá trình, gồm nhiều thời kỳ, giai đoạn; mỗi thời kỳ, giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những yêu cầu riêng. Trước diễn biến của điều kiện khách quan, bản thân đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc.

- Đối với toàn đảng, Người chỉ rõ: đảng sống trong xã hội, là một bộ phận của xã hội; mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái tích cực và cái tiêu cực, cái tiến bộ và cái lạc hậu. do đó, mỗi cán bộ đảng viên phải thường xuyên rèn luyện; đảng phải thường xuyên chú ý tự chỉnh đốn.

- Xây dựng, chỉnh đốn đảng là cơ hội để mỗi cán bộ đảng viên tự rèn luyện, tự giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ được các phẩm chất đạo đức cách mạng tiêu biểu.

Xây dựng, chỉnh đốn đảng làm cho mỗi đảng viên hiểu rõ, hiểu đúng và thực hành tốt quan điểm, đường lối, chính sách của đảng. mặt khác, giúp cho cán bộ, đảng viên phải nhìn lại mình, phát huy mặt tốt, hạn chế mặt xấu vốn có trong mỗi con người.

Cùng với sự tự giác rèn luyện, cán bộ, đảng viên còn cần đến sự giúp đỡ, kiểm soát, quản lý từ phía đảng. Xây dựng, chỉnh đốn đảng không thể buông lỏng việc thắt chặt công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên.

Trên bình diện phát triển cá nhân, xây dựng, chỉnh đốn đảng theo TT HỒ Chí Minh trở thành nhu cầu tự hoàn thiện, nhu cầu tự làm trong sạch nhân cách của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Trong điều kiện đảng đã trở thành đảng cầm quyền, việc xây dựng, chỉnh đốn đảng lại được người coi là công việc càng phải tiến hành thường xuyên hơn của đảng.

Nhận thức đúng sự tác động biện chứng giữa môi trường xã hội và vai trò lãnh đạo của đảng, đặc điểm phát triển tâm lý, nhân cách của cán bộ, đảng viên, HỒ Chí Minh đã đi đến một nhận định mang tính triết lý và thực tiễn sâu sắc, có giá trị phổ quát trong vấn đề xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn đảng.

Nhìn một cách tổng quát, theo HỒ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn đảng mang tính quy luật và là nhu cầu tồn tại, phát triển của bản thân đảng. Đổi mới và chỉnh đốn đảng sẽ làm cho toàn đảng trở thành một khối thống nhất về nhận thức và tư tưởng, làm cơ sở cho sự thống nhất về hành động, vượt qua những khó khăn, thử thách, đưa cách mạng tiến đến thành công.

## **2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng Sản Việt Nam**

### **a. Xây dựng đảng về tư tưởng, lý luận**

Để đạt mục tiêu cách mạng, HỒ Chí Minh chỉ rõ: phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Khi huấn luyện cho cán bộ năm 1925 – 1927, Người nhấn mạnh: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong



đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh xem chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng CS Việt Nam.

Trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau:

*Một là*, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng.

*Hai là*, việc vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin phải luôn phù hợp với từng hoàn cảnh.

*Ba là*, trong quá trình hoạt động, đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng CS khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác – Lênin.

*Bốn là*, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

### **b. Xây dựng đảng về chính trị**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này gồm nhiều nội dung: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và củng cố hệ tư tưởng chính trị,... Trong đó, theo Người, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của đảng. Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình, chủ yếu bằng việc đề ra đường lối chiến lược, cương lĩnh, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội theo hướng lâu dài cũng như của từng giai đoạn.

Hồ Chí Minh lưu ý cần phải giáo dục đường lối, chính sách của đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời, Người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm đường lối chính trị của nhiều đảng viên cũng như của nhân dân lao động.

### **c. Xây dựng đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ**

- Hệ thống tổ chức của Đảng: Hồ Chí Minh khẳng định rằng sức mạnh của đảng bắt nguồn từ tổ chức, một tổ chức tiên phong chiến đấu của giai cấp công

nhân. Hệ thống tổ chức của đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao.

Trong hệ thống tổ chức của đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ. Vì đối với bản thân Đảng, chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của đảng; là môi trường tu luyện, và cũng là nơi giám sát đảng viên; chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa đảng với quần chúng nhân dân.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Tập trung dân chủ:

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng đảng. Giữa “tập trung” và “dân chủ” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là 2 vế của một nguyên tắc. Người viết: tập trung trên nền tảng dân chủ; dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.

+ Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

+ Tự phê bình và phê bình

Mục đích là để cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, làm cho mỗi tổ chức tốt hơn, phần xấu bị mất dần đi, tức là nói đến sự vươn tới chân, thiện, mỹ.

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được người nêu rõ như sau: phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nề nang, không giấu giếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm; phải có tình thương yêu lẫn nhau.

+ Kỷ luật nghiêm minh, tự giác

+ Đoàn kết thống nhất trong đảng

- Cán bộ, công tác cán bộ của đảng

Người nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa đảng, nhà nước với nhân dân. Người cán bộ phải có đức, tài, phẩm chất và năng lực, trong đó đức và phẩm chất là gốc.

Hồ Chí Minh cho rằng, công tác cán bộ là công tác gốc của đảng. Nội dung của nó bao hàm các mắt khâu liên hoàn, có quan hệ chặt chẽ với nhau: tuyển chọn cán bộ,

đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển chọn, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

#### **d. Xây dựng đảng về đạo đức**

Hồ Chí Minh khẳng định: một đảng chân chính cách mạng phải có đạo đức. Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của đảng, giúp đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân.

Xét về thực chất, đạo đức của đảng là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đạo đức đó mang bản chất của giai cấp công nhân, cũng là đạo đức Mác – Lênin, là đạo đức cộng sản chủ nghĩa mà nội dung cốt lõi là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu.

Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức nhằm làm cho đảng luôn trong sạch, vững mạnh.

Đặc biệt quan tâm đến vấn đề đạo đức, gắn đạo đức với tư cách của một đảng chân chính cách mạng, Hồ Chí Minh đã góp phần bổ sung, mở rộng, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nội dung công tác xây dựng đảng, phù hợp với truyền thống văn hóa, lịch sử của các nước phương đông, trong đó có Việt Nam.

## **CHƯƠNG V**

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**

#### **I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC**

##### **1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng**

**a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng**

Theo Hồ Chí Minh, trong thời đại mới, để đánh bại đế quốc, thực dân, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thôi chưa đủ; cách mạng muốn thành công, thành công đến nơi, phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Vì vậy, trong tư tưởng

của người, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng.

Để quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân, cần phải có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những nhiệm vụ và yêu cầu khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp.

Từ thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết:

*đoàn kết làm ra sức mạnh.* Người nhiều lần nhấn mạnh quan điểm này. Người viết: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó”; “đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”; “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”...

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,  
Thành công, thành công, đại thành công”.*

#### **b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của đảng, của dân tộc**

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của đảng, phải được quán triệt trong tất cả các lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách đến hoạt động thực tiễn của đảng.

Để thực hiện mục tiêu này, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm quần chúng, phải gần gũi quần chúng, lắng nghe quần chúng... Vận động, tổ chức và giáo dục quần chúng, coi sức mạnh của cách mạng nằm ở quần chúng.

Đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của đảng, cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng. Nhấn mạnh vấn đề này là nhấn mạnh tới vai trò của thực lực cách mạng. Bởi cách mạng muốn thành công thì không chỉ có đường lối đúng mà trên cơ sở đường lối đúng đó, Đảng ta phải cụ thể hóa ra thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập

hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc.

Người còn chỉ ra rằng, đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu của đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Bởi vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng và vì quần chúng.

## **2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc**

### **a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân**

Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đã đề cập vấn đề DÂN và NHÂN DÂN một cách rõ ràng, toàn diện và có sức thuyết phục, thu phục lòng người. Người thường dùng khái niệm này chỉ “mọi con dân nước Việt”, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”. Như vậy, dân và nhân dân trong tư tưởng hồ chí minh vừa được hiểu với tư cách là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, với những mối liên hệ cả quá khứ và hiện tại, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc thực chất là đại đoàn kết toàn dân.

Nói đại đoàn kết dân tộc, cũng có nghĩa là phải tập hợp tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp – dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là có trung thành và sẵn sàng phục vụ tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi như vậy, Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc, tới cách mạng dân chủ nhân dân và từ cách mạng dân chủ nhân dân tới cách mạng XHCN.

### **b. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết của dân tộc; đồng thời phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người**

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa – đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát

triển trong suốt quá trình dựng và giữ nước của dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tâm hồn của người Việt Nam được lưu truyền qua các thế hệ. truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù, thiên tai địch họa, làm cho đất nước trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Vì lợi ích của cách mạng, cần có lòng khoan dung, độ lượng, trân trọng phần thiện dù rất nhỏ ở mỗi con người mới có thể tập hợp, quy tụ mọi lực lượng.

Lòng khoan dung, độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối và phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc. Đó là một tư tưởng nhất quán, được thể hiện trong đường lối, chính sách của đảng đối với những người làm việc dưới chế độ cũ và những người nhất thời lầm lạc biết hối cải.

Để thực hiện đại đoàn kết rộng rãi, cần có niềm tin vào nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Theo Người, DÂN là chỗ dựa vững chắc của đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng.

### **3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc**

#### **a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất**

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không dừng lại ở quan niệm, mà trở thành một chiến lược cách mạng, phải trở thành khẩu hiệu hành động của đảng và cả dân tộc. nó phải trở thành sức mạnh vật chất, lực lượng vật chất có tổ chức. tổ chức đó chính là mặt trận dân tộc thống nhất.

Về một phương diện nào đó, có thể nói rằng, quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là quá trình tìm kiếm mô hình, cách thức tổ chức quần chúng nhân dân, nhằm tạo sức mạnh cho nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Tùy theo từng thời kỳ, căn cứ vào yếu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của mặt trận dân tộc thống nhất theo đó, có thể khác nhau: *Hội phản đế đồng minh*

(1930), *Mặt trận Dân chủ* (1936), *Mặt trận nhân dân phản đế* (1939), *Mặt trận Việt Minh* (1941), *Mặt trận Liên – Việt* (1946), *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* (1960), *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* (1955, 1976). Song, thực chất chỉ là một, là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, nơi tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

### **b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất**

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng

Mặt trận dân tộc thống nhất là thực thể của tư tưởng đại đoàn kết, nơi quy tụ mọi con dân nước Việt. song đó là một khối đại đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn thể dân tộc của Hồ Chí Minh. Nó hoàn toàn khác với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước trước đó trong lịch sử.

Hồ Chí Minh viết: “Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất”.

Theo Người, mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công nông luôn được xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp.

Đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, song nó chỉ có thể được củng cố và phát triển vững chắc khi được đảng lãnh đạo. sự lãnh đạo của đảng đối với mặt trận dân tộc thống nhất vừa là vấn đề mang tính nguyên tắc, vừa là một tất yếu bảo đảm cho mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn.

Hồ Chí Minh luôn xác định mối quan hệ giữa đảng và mặt trận là mối quan hệ máu thịt. Không có mặt trận, đảng không có lực lượng; không có sự lãnh đạo của đảng thì mặt trận không thể hình thành và phát triển, không có phương hướng hoạt động đúng đắn. Do vậy, Đảng CS Việt Nam vừa là một thành viên của mặt trận, đồng thời lại là lực lượng lãnh đạo của mặt trận.

Người quan niệm rằng, sự lãnh đạo của đảng đối với mặt trận vừa là một tất yếu, vừa phải có điều kiện.

Để lãnh đạo mặt trận, đảng phải có chính sách mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo mặt trận, phải đi đúng đường lối quần chúng, không được quan liêu, gò ép, mệnh lệnh các thành viên trong mặt trận; phải vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, tuyệt đối không được lấy quyền uy của mình để buộc các thành viên khác trong mặt trận tuân theo.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất là để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, song, khối đại đoàn kết đó chỉ có thể thực hiện bền chặt và lâu dài khi có sự thống nhất cao độ về mục tiêu và lợi ích.

Mục đích chung của mặt trận được Hồ Chí Minh xác định cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp cao độ nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết. Như vậy, độc lập, tự do là nguyên tắc bất di, bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết các giai tầng, đảng phái, dân tộc, tôn giáo trong mặt trận.

Trên cơ sở xác định lợi ích tối cao của dân tộc, những quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân cũng được Hồ Chí Minh kết tinh vào tiêu chí của nước Việt Nam DCCCH là độc lập, tự do, hạnh phúc.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững. Mặt trận là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, nên hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Để thực hiện nguyên tắc này phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài...

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích trong mặt trận sẽ góp phần củng cố sự bền chặt, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao và thực hiện được mục tiêu: “đồng tình,



đồng sức, đồng lòng, đồng minh”. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để mở rộng khối đại đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất.

- Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái, giúp nhau cùng tiến bộ.

Bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên có những điểm khác nhau, cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để rút ngắn và thu hẹp những khác biệt, cục bộ và nhân lên những nhân tố chung, nhân tố tích cực, đi đến thống nhất và đoàn kết.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất, một mặt, Đảng ta luôn chủ trương chống khuynh hướng hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả mọi lực lượng có thể tranh thủ vào mặt trận; mặt khác, luôn đề phòng và đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của khuynh hướng đoàn kết một chiều, vô nguyên tắc, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ mặt trận.

## **II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**

### **1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế**

**a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng**

Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp đánh thắng kẻ thù.

Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, nhưng trước hết là sức mạnh cầu chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; cử ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do,...

Là một nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh có niềm tin vào sức mạnh dân tộc. Người luôn có sự lạc quan, tin tưởng mạnh mẽ vào sức mạnh của dân tộc.

Trong hoạt động cách mạng, nhờ chú ý tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lênin, Người đã phát hiện ra sức mạnh vĩ đại trong các trào lưu cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các trào lưu đó nếu được liên kết trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Người đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công và thành công tới nơi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Tư tưởng này ngày càng được Người phát triển đầy đủ hơn trong quá trình cách mạng.

Đối tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn. Đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và các nước TBCN nói chung; đoàn kết với nước Nga - Xôviết, và sau này mở rộng ra các nước XHCN; đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ của nhân dân thế giới; nhất là với Lào và Campuchia.

Như vậy, theo Người, thực hiện đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở của việc đoàn kết quốc tế. Đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế, là để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho dân tộc chiến thắng kẻ thù.

#### **b. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện các mục tiêu cách mạng**

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đại đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không phải vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì mục tiêu cách mạng thời đại.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng phải lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh: chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Muốn tăng cường đoàn kết quốc tế, các đảng CS phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa vị kỷ dân tộc,... Những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh dân tộc, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy thập kỷ qua là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Nhờ kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã được

bổ sung thêm nguồn lực mới, trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhờ vươn cao ngọn cờ CNXH, nước ta đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm cho sức mạnh của dân tộc được nâng lên gấp bội.

Như vậy, trong tư tưởng HỒ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng dân tộc và thời đại.

## **2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế**

### **a. Các lực lượng cần đoàn kết**

Nội hàm khái niệm đoàn kết trong tư tưởng HỒ Chí Minh rất phong phú, nhưng tập trung chủ yếu vào 3 lực lượng: phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình, dân chủ thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới – lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Người quan niệm, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của CNCS. Tiếp nhận học thuyết Lênin, HỒ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, Người cũng tìm thấy một lực lượng mạnh mẽ ủng hộ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đó là phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Liên Xô và sau này là các nước XHCN; là Quốc tế thứ ba và sau này là Cục thông tin quốc tế.

Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng CS trong tư tưởng HỒ Chí Minh, xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay.

HỒ Chí Minh cho rằng, CNTB là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động quốc tế. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động quốc tế toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại những âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Đối với phong trào giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh của các nước thuộc địa.

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý, Người cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với giữ gìn hòa bình thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng quốc tế.

Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do, công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ, tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, của các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh.

### **b. Hình thức đoàn kết**

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong điều kiện thời đại mới.

Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý – chính trị và tính chất chính trị - xã hội trong khu vực và trên thế giới, cũng như tình hình cách mạng trong mỗi thời kỳ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại và góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Như vậy, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: mặt trận đại đoàn kết dân tộc; mặt trận đoàn kết Việt – Miên – Lào; Mặt trận nhân dân Á – Phi đoàn kết với Việt Nam; mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

## **3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế**

### **a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình**

Cũng như xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, muốn thực hiện đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc

tế, phải tìm được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và các phong trào cách mạng thế giới. Đây là vấn đề cốt tử có tính nguyên tắc trong công tác tập hợp lực lượng.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất giữa các lực lượng cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

Người cho rằng để thực hiện đoàn kết, thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì đoàn kết giữa các đảng là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người. Thực hiện sự đoàn kết đó phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

“Có lý”, “Có tình” vừa thể hiện tính nguyên tắc, vừa thể hiện một nội dung nhân văn của Hồ Chí Minh – chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Nó có tác dụng rất lớn, không chỉ trong việc củng cố khối đoàn kết quốc tế của công nhân, mà còn củng cố tình đoàn kết trong nhân dân lao động. Đối với các dân tộc trên thế giới, Người gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Độc lập, tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, được Hồ Chí Minh coi là chân lý, là “lẽ phải không ai chối cãi được”.

Những quan điểm trên được người thể chế hóa sau khi Việt Nam giành được độc lập.

Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của mình, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Người gương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý.

Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại.

#### **b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường**

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế, nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Để đoàn kết tốt, phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn ngoại lực chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn nội lực.

Người chỉ rõ muốn tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn. Trong quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các đảng dù lớn, dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”.

## **CHƯƠNG VI.**

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN**

#### **I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ**

##### **1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ**

Dân chủ là khát vọng muôn đời của con người. Hồ Chí Minh quan niệm dân chủ là “dân là chủ”. Khi xác định như thế, Người đem đối lập quan niệm “dân là chủ” với quan niệm “quan chủ”. Mở rộng theo ý đó, Hồ Chí Minh còn cho rằng: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa nước nhà do nhân dân làm chủ”, “chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”,...

Tóm lại, quan niệm về dân chủ được biểu đạt qua 2 mệnh đề ngắn gọn: “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Khi biểu đạt như thế, chúng ta có thể hiểu rằng, dân là chủ, nghĩa là đề cập vị thế của dân; còn dân làm chủ nghĩa là đề cập năng lực và trách nhiệm của dân. Hai vế này luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của dân.

Quan niệm đó của người phản ánh đúng bản chất về dân chủ. Quyền hành và lực lượng đều thuộc về nhân dân. Xã hội nào đảm bảo cho điều đó được thực thi thì đó là một xã hội thực sự dân chủ.

## **2. Dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội**

Dân chủ thể hiện ở việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Dân chủ trong xã hội Việt Nam được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, dân chủ thể hiện trong lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, nổi bật nhất và được biểu hiện tập trung trong hoạt động của nhà nước, vì quyền lực của dân được thể hiện trong hoạt động của nhà nước với tư cách nhân dân có quyền lực tối cao.

Quan niệm dân chủ, theo Hồ Chí Minh, còn được biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội. Khẳng định một chế độ dân chủ ở nước ta là: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Người cũng chỉ ra phương thức tổ chức, hoạt động của xã hội nước ta, muốn khẳng định là một nước dân chủ thì phải có cấu tạo quyền lực xã hội mà ở đó, người dân, cả trực tiếp lẫn gián tiếp quan dân chủ đại diện, một hệ thống chính trị do dân cử ra và tổ chức nên.

Khi xác định quyền hành và lực lượng của xã hội, Hồ Chí Minh còn vạch rõ nguồn gốc, lực lượng tạo ra quyền hành đó là nhân dân. Người không coi dân chủ không dừng lại ở tư cách là thiết chế xã hội của một quốc gia mà còn có ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế.

## **3. Thực hành dân chủ**

### **a. Xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ rộng rãi**

Từ năm 1941, trong chương trình của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, Hồ Chí Minh đã “thiết kế” một chế độ dân chủ cộng hòa cho nước ta sau khi giành độc lập. Đó là chương trình thực hiện mục tiêu dân chủ, xác định rõ quyền và trách nhiệm của nhân dân trước vận mệnh của nước nhà; gắn độc lập, tự do của tổ quốc với quyền lợi của từng người dân.

Dân chủ ở nước Việt Nam mới được thể hiện và được đảm bảo trong đạo luật cơ bản nhất là các bản hiến pháp do Hồ Chí Minh chủ trì xây dựng và quốc hội thông qua.

Hồ Chí Minh chú trọng bảo đảm quyền lực của các giai cấp, tầng lớp, các cộng đồng dân tộc trong thể chế chính trị nước ta, bao gồm: công nhân, nông dân, trí thức. Và Người đặc biệt quan tâm vấn đề giải phóng phụ nữ để phụ nữ bình đẳng với nam giới, thực sự tham gia tích cực vào các công việc xã hội. Người cũng đề cao vai trò làm chủ đất nước của thanh, thiếu niên. Đối với một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc bảo đảm quyền làm chủ của tất cả nhân dân các dân tộc và cho rằng, phải làm cho các dân tộc làm chủ đất nước, nhanh chóng phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt.

### **b. Xây dựng các tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh để bảo đảm dân chủ trong xã hội**

Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng Đảng – với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội; xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; xây dựng mặt trận với vai trò là liên minh chính trị tự nguyện của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội vì mục tiêu chung của sự phát triển đất nước; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi khác của dân.

Có bảo đảm và phát huy dân chủ trong Đảng thì mới bảo đảm được dân chủ của toàn xã hội. Đó là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh.

Nhà nước thể hiện chức năng quản lý xã hội của mình qua việc bảo đảm thực thi ý chí của giai cấp công nhân, nhân dân lao động đối với sự phát triển của đất nước. Nhà nước thể chế hóa toàn bộ bản chất dân chủ của chế độ.



Các tổ chức mặt trận và đoàn thể nhân dân thể hiện quyền làm chủ và tham gia quản lý xã hội của tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Thực hành dân chủ rộng rãi, theo Hồ Chí Minh, là trên nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nòng cốt là liên minh công – nông – trí thức.

## **II. QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN**

### **1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân**

Hồ chí minh có quan điểm nhất quán về xây dựng một nhà nước mới ở Việt Nam là một Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Đây là quan điểm cơ bản nhất của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do người sáng lập.

Quan điểm xây dựng nhà nước của Người không những kế thừa mà còn phát triển học thuyết Mác – Lênin về Nhà nước cách mạng.

#### **a. Nhà nước của dân**

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Quan điểm này của Người được thể hiện trong các Hiến pháp do Người lãnh đạo soạn thảo năm 1946 và 1959.

Nhân dân lao động làm chủ đất nước sẽ dẫn tới một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước, cử tri bầu ra đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp.

Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm dân là chủ, dân làm chủ. Trong nhà nước của dân, mọi người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Quyền lực của nhân dân phải được đặt ở vị trí tối thượng. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, để cho nhân dân thực thi quyền làm chủ của mình trong hệ thống chính trị - xã hội.

#### **b. Nhà nước do dân**

Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình.

Tư tưởng HỒ Chí Minh về xây dựng nhà nước mới, nhân dân có đủ điều kiện, cả về pháp luật và thực tế, để tham gia quản lý nhà nước. Người nêu rõ quyền của dân, nhà nước do dân tạo ra và nhân dân tham gia quản lý là ở chỗ:

- Toàn bộ công dân bầu ra quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

- Quốc hội bầu ra chủ tịch nước, ủy ban thường vụ quốc hội và hội đồng chính phủ (nay gọi là chính phủ).

- Hội đồng chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nhà nước, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.

- Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (thông qua quốc hội do dân bầu ra).

### **c. Nhà nước vì dân**

nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không còn lợi ích gì khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào.

Dân là gốc của nước. HỒ Chí Minh luôn tâm niệm: Phải làm cho ăn có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành.

Một nhà nước vì dân, theo HỒ Chí Minh, là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải “làm quan cách mạng” để “đè đầu cưỡi cổ nhân dân”.

## **2. Quan điểm của HỒ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước**

### **a. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước**

Nhà nước là một phạm trù lịch sử. Nhà nước là sản phẩm tất yếu của một xã hội có giai cấp đối kháng, nên nó luôn mang bản chất giai cấp.

Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được coi là nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng tuyệt nhiên nó không là “nhà nước toàn dân” hiểu theo nghĩa nhà nước phi giai cấp. Nhà nước Việt Nam mới, theo HỒ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Vì:

*Một là, nhà nước do Đảng cộng sản lãnh đạo. Điều này được thể hiện:*

-Đảng cs việt nam lãnh đạo nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

- Đảng lãnh đạo nhà nước bằng phương thức thích hợp.

*Hai là*, bản chất giai cấp của nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

*Ba là*, bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.

### **b. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước**

Biểu hiện trong những quan điểm sau:

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam.

- Tính thống nhất còn biểu hiện ở chỗ nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản.

- Trong thực tế, nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

### **3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ**

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của hiến pháp và pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân an nam* do Người ký tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919.

Trong *Việt Nam yêu cầu ca*, có những câu:

*“Hai xin phép luật sửa sang,*

*Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng.*

...

*Bảy xin hiến pháp ban hành,*

*Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.*

Sau này, Người càng quan tâm hơn việc xây dựng và điều hành nhà nước một cách hiệu quả bằng pháp quyền. Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

#### **a. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến**

Ngay sau khi đọc bản tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã đề nghị tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt để lập Quốc hội, rồi từ đó lập ra chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của nhà nước mới.

Có được một nhà nước hợp hiến thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân đồng minh, mới có một quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc tổng tuyển cử tiến hành ngày 6-1-1946 thắng lợi, với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc và của cả Đông Nam Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo,...đều đi bỏ phiếu bầu những người đại biểu của mình tham gia Quốc hội.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây là chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

#### **b. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống**

Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, quan trọng bậc nhất là hiến pháp – đạo luật cơ bản của nhà nước.

Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi hiến pháp và pháp luật.

“Thần linh pháp quyền” là sức mạnh do con người và vì con người. Do vậy, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể giữ vị trí nào. Người cho rằng, việc giáo dục pháp luật cho mọi người, nhất là cho thế hệ trẻ, là việc cực kỳ quan trọng trong để xây dựng một nhà nước pháp quyền. việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, người quan tâm đến việc nâng cao trình độ dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Trong việc thực thi hiến pháp và pháp luật, Hồ Chí Minh chú ý bảo đảm tính nghiêm minh và hiệu lực của chúng. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và đủ; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi luật pháp phải thật sự công tâm và phân minh,...

### **c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài**

Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, công chức. Người coi cán bộ nói chung là “cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

Một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này, theo Người, đó là những người vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả.

Đi vào những mặt cụ thể, Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức:

*Một là, tuyệt đối trung thành với cách mạng*

*Hai là, hăng hái, thánh thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.*

*Ba là, phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân*

*Bốn là, cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thẳng không kiêu, bại không nản”.*

Năm là, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của nhà nước

#### **4. Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả**

##### **a. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của nhà nước**

Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho nhà nước luôn trong sạch, vững mạnh.

Chỉ sau một tháng thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Ủy ban nhân dân các kỳ, các tỉnh, huyện và làng nêu rõ phải chống đặc quyền, đặc lợi; bộ máy nhà nước không phải bộ máy áp bức, bóc lột nhân dân, cán bộ, công chức không phải là những “ông quan cách mạng”. Hồ Chí Minh chỉ ra sáu căn bệnh cần đề phòng: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, xây dựng nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh chỉ rõ những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi
- Tham ô, lãng phí, quan liêu
- Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo.

##### **b. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng**

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật và phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam được hình thành qua nhiều năm lịch sử (kết hợp nhuần nhuyễn giữa “đức trị” và “pháp trị”).

Hồ Chí Minh yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ nào bất liêm, dù ở địa vị nào, làm việc gì. Bên cạnh đó, Người cũng dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hóa những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp.

## **CHƯƠNG VII**

### **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI**

# I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

## 1. Khái niệm văn hóa theo tư Tưởng Hồ Chí Minh

### a. Định nghĩa về văn hóa

Khái niệm “văn hóa” có nội hàm phong phú và ngoại diên rất rộng. Tháng 8/1943, khi còn trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã lần đầu tiên đưa ra định nghĩa về văn hóa, có rất nhiều điểm gần với quan niệm hiện đại về văn hóa. Người viết:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

Với định nghĩa này, Hồ Chí Minh đã khắc phục được quan niệm phiến diện về văn hóa trong lịch sử và hiện tại, hoặc chỉ đề cập đến lĩnh vực tinh thần, trong văn học nghệ thuật, hoặc chỉ đề cập đến lĩnh vực giáo dục, phản ánh trình độ học vấn,... Trên thực tế, văn hóa bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra, nhằm đáp ứng sự sinh tồn và cũng là mục đích cuộc sống của loài người.

### b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới

Cùng với định nghĩa về văn hóa, Hồ Chí Minh còn đưa ra *Năm điểm lớn* định hướng cho việc xây dựng nền văn hóa dân tộc:

- “1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
4. Xây dựng chính trị: dân quyền.
5. Xây dựng kinh tế”.

Như vậy, ngay từ rất sớm, Người đã quan tâm đến văn hóa, đã thấy rõ vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội. Ngay sau khi giành được độc lập, Người bắt tay vào xây dựng, kiến tạo một nền văn hóa mới ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, đã sớm đưa văn hóa vào chiến lược phát triển đất nước.

## **2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa**

### **a. Quan điểm về vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội**

Một là, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

Hồ Chí Minh đặt văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và có mối quan hệ mật thiết với nhau.

- Trong quan hệ với chính trị, xã hội: chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Để văn hóa phát triển thì phải làm cách mạng chính trị trước.

- Trong quan hệ với kinh tế, người chỉ rõ, kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng xây dựng văn hóa. Người đưa ra luận điểm: phải chú trọng xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là kinh tế phải đi trước một bước.

Hai là, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế

Hồ Chí Minh không nhấn mạnh một chiều sự phụ thuộc của văn hóa vào kinh tế. Người cho rằng, văn hóa có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị: Nghĩa là văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Quan điểm này không chỉ định hướng cho việc xây dựng một nền văn hóa mới ở Việt Nam mà còn định hướng cho mọi hoạt động văn hóa.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị, nghĩa là kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hóa, điều mà CNXH và thời đại đang đòi hỏi. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng CNXH, Đảng ta chủ trương gắn văn hóa với phát triển, chủ trương đưa văn hóa vào kinh tế và chính trị, làm cho văn hóa thực sự vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.



## **b. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa**

Mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau về nền văn hóa mới nhưng theo tư tưởng HỒ Chí Minh, luôn bao hàm ba tính chất: tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng.

*Tính dân tộc*: là đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, không nhầm lẫn với văn hóa các dân tộc khác. Người cho rằng, muốn như vậy phải “trau dồi cho văn hóa, văn nghệ có tinh thần thuần túy Việt Nam”, phải “lột tả cho hết tinh thần dân tộc”, đó là chủ nghĩa yêu nước, đoàn kết, khát vọng độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường... của dân tộc. Tính dân tộc của văn hóa còn thể hiện ở chỗ biết phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

*Tính khoa học*: thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại.

*Tính đại chúng*: nền văn hóa ấy phải phục vụ cho nhân dân và do nhân dân xây dựng nên.

## **c. Quan điểm về chức năng của văn hóa**

HỒ Chí Minh cho rằng, văn hóa có 3 chức năng cơ bản sau:

*Một là*, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp.

*Hai là*, mở rộng hiểu biết và nâng cao dân trí

*Ba là*, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.

### **3. Quan điểm của HỒ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa**

#### **a. Văn hóa giáo dục**

Người phê phán nền giáo dục phong kiến và nền giáo dục thực dân.

Nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập thực sự ra đời sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám và phát triển cùng với sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc. HỒ Chí Minh cho rằng, việc xây dựng một nền giáo dục của nước Việt Nam mới phải được coi là nhiệm vụ cấp bách có ý nghĩa chiến lược, cơ bản và lâu dài. Nền giáo dục đó sẽ “...làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”.

## **b. Văn hóa văn nghệ**

Văn hóa (bao gồm cả văn học và nghệ thuật) là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hóa, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Trong quá trình xây dựng nền văn nghệ cách mạng, Hồ Chí Minh đưa ra nhiều quan điểm lớn. Sau đây là 3 quan điểm lớn:

*Một là*, văn hóa – văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

*Hai là*, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân

*Ba là*, phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc.

## **c. Văn hóa đời sống**

Gắn việc xây dựng nền văn hóa mới với xây dựng đời sống mới thực sự là một cách nhìn, một giải pháp rất độc đáo của Hồ Chí Minh.

Văn hóa đời sống, thực chất là đời sống mới, được người nêu ra với 3 nội dung:

*Đạo đức mới*: Ngay trong phiên họp đầu tiên của hội đồng chính phủ, Hồ Chí Minh đã đề nghị “mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CÂN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH”.

*Lối sống mới*: là lối sống có lý tưởng, có đạo đức. đó còn là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại.

Chính vì vậy, Người yêu cầu phải sửa đổi “cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại” – theo ngôn ngữ hiện nay thì chính là phong cách sống và phong cách làm việc, gọi chung là lối sống mới.

Phong cách sống, theo Hồ Chí Minh, phải khiêm tốn, giản dị, chừng mực, ngăn nắp, yêu lao động, quý thời gian, ít ham muốn về vật chất, chức – quyền – danh – lợi. Trong quan hệ với nhân dân, bạn bè, đồng chí, an hem thì cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị; giàu tính yêu thương, trân trọng con người; với bản thân thì chặt chẽ, nghiêm khắc, với người thì khoan dung, độ lượng.

Phong cách làm việc, theo HỒ Chí Minh, phải sửa đổi sao cho có tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học.

*Nếp sống mới*: xây dựng nếp sống mới – nếp sống văn minh, là quá trình làm cho lối sống mới dần dần thành thói quen, thành phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển những thuần phong mỹ tục của dân tộc.

## II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

### 1. Nội dung cơ bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về đạo đức

#### a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

*- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

Khi đánh giá vai trò của đạo đức trong đời sống, HỒ Chí Minh đã sớm khẳng định, đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như nước của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người trần trở với nguy cơ xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng, rơi vào thoái hóa, biến chất của đảng. Vì vậy, Người yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

Tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, HỒ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất.”

Như vậy, trong tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất làm một. trong đó: đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên; phẩm chất là gốc của năng lực. tài là thể hiện cụ thể của đức trong hành động.

*- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của CNXH*

Sức hấp dẫn của CNXH chưa phải là ở lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do, giải phóng, mà trước hết ở những giá trị đạo đức cao

đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình, chiến đấu cho lý tưởng đó trở thành hiện thực.

Người cho rằng, phong trào cộng sản công nhân quốc tế trở thành lực lượng quyết định vận mệnh loài người không chỉ do chiến lược và sách lược thiên tài của cách mạng vô sản, mà còn do những phẩm chất đạo đức cao quý, làm cho CNCS trở thành một sức mạnh vô địch.

## **b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng**

*- Trung với nước, hiếu với dân*

Là những khái niệm cũ trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất, cũng là phẩm chất đạo đức bao trùm nhất: trung với vua, hiếu với cha mẹ.

Hồ Chí Minh đưa vào đó nội dung mới: “trung với nước, hiếu với dân”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Người nói: “đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chống lên trời. đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu chống lên trời.”

Người cho rằng, “trung với nước” phải gắn liền “hiếu với dân”. Vì nước là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân của nước; bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, cán bộ là đầy tớ của dân, chứ không phải là “quan cách mạng”.

Đối với cán bộ lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững “dân tình”, hiểu rõ “dân tâm”, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí.

*- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*

Đây là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mọi người, là đại cương đạo đức của Hồ Chí Minh.

Đây cũng là những khái niệm cũ nhưng được Hồ Chí Minh lọc bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới.

*Cần*: lao động siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh.

*Kiệm*: tiết kiệm; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”, không phô trương hình thức,...

*Liêm*: luôn tôn trọng của công và của dân, “trong sạch, không tham lam” tiền của, địa vị, danh tiếng.

*Chính*: thẳng thắn, đứng đắn. Người đưa ra một số yêu cầu: đối với mình – không tự cao, tự đại, tự phụ, phải khiêm tốn học hỏi, phát huy cái hay, sửa chữa cái dở của mình. Đối với người – không nịnh người trên, không khinh người dưới, thật thà, không dối trá. Đối với việc – phải để việc công lên trên, lên trước, việc thiện nhỏ mấy cũng làm, việc ác nhỏ mấy cũng tránh.

Các đức tính trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song, cán bộ, đảng viên phải thực hành trước để làm mẫu cho dân.

Đối với một quốc gia, cần, kiệm, liêm, chính là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, thể hiện sự văn minh, tiến bộ. Đó còn là nền tảng của đời sống mới, của phong trào thi đua yêu nước.

*Chí công vô tư* là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Là nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa cá nhân là vết tích của xã hội cũ, đó là lối sống ích kỷ, chỉ biết có riêng mình, chỉ thấy công lao của mình mà quên mất công lao của người khác. Chủ nghĩa cá nhân còn là đồng minh của đế quốc; là một thứ vi trùng rất độc, sinh ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm, như: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí...theo Hồ Chí Minh, CNXH không thể thắng lợi nếu không loại trừ chủ nghĩa cá nhân.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

Yêu thương con người được Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người nói, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà chấp nhận mọi gian khổ hy sinh để đem lại độc lập, tự do, cơm no áo ấm và hạnh phúc cho con người.

Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến CNXH và CNCS.

Tình yêu thương con người phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hàng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em... Nó đòi hỏi mọi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với bản thân; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha với người khác. Phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc, chứ không phải là thái độ dĩ hòa vi quý, không hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Người dạy: "Hiểu chủ nghĩa Mác – Lenin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được".

*- Có tinh thần quốc tế vô sản*

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Bắt nguồn từ bản chất giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn, vượt qua khỏi quốc gia dân tộc.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng và hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc... Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình.

### **c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới**

*- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức*

Nói đi đôi với làm, Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức mới.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương đông. Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức.

Hồ Chí Minh dạy, hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải chú trọng "đạo làm gương".

Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức hằng ngày của toàn xã hội.

- *Xây đi đôi với chống*

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. việc giáo dục đạo đức cũng phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng; lứa tuổi, nghề nghiệp, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau,...

Xây phải đi đôi với chống, với việc loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong cuộc sống hằng ngày. Người cho rằng, trên con đường cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể hình thành trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Để làm được điều này, cần phải sớm phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động, hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức.

- *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời*

Một nền đạo đức mới chỉ có thể xây dựng trên cơ sở sự tự giác tu dưỡng đạo đức của mọi người. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, phải làm thế nào đó để mỗi người tự nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là một việc “sung sướng vẻ vang nhất trên đời”.

Đạo đức cách mạng là đạo đức dẫn thân, đạo đức trong hành động vì độc lập tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Chỉ có trong hành động, đạo đức cách mạng mới bộc lộ rõ những giá trị của mình. Hồ Chí Minh đưa ra một lời khuyên rất dễ hiểu: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sang, vàng càng luyện càng trong”.

**2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**

**a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh**

- Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân

- Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức HỒ Chí Minh. Trong bài nói tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ hai (ngày 7-5-1958), Người tóm tắt những phẩm chất đó như sau:

- + Yêu tổ quốc
- + Yêu nhân dân
- + Yêu chủ nghĩa xã hội
- + Yêu lao động
- + Yêu khoa học và kỹ thuật

Theo Người, để có được những phẩm chất đó, sinh viên cần phải rèn luyện những đức tính sau: trung thành, tận tụy, thật thà và chính trực. trong học tập, rèn luyện, phải kết hợp lý luận với thực hành, học tập với lao động; phải chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng hám danh, hám lợi....

*“Đối với người, ai làm gì có lợi ích cho nhân dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù.*

*Đối với mình, những tư tưởng và hành động có lợi ích cho Tổ quốc, cho đồng bào là bạn. Những tư tưởng và hành động có hại cho Tổ quốc và đồng bào là kẻ thù...Điều gì phải, phải cố làm cho kỳ được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ”.*

## **b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức HỒ Chí Minh**

- Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay
- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức hồ chí minh
- + *Một là*, học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.
- + *Hai là*, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sang, nếp sống giản dị và đức tính khiêm tốn phi thường.
- + *Ba là*, học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người.



+ *Bốn là*, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

### III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG

#### CON NGƯỜI MỚI

##### 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

###### a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực và các hoạt động của nó. Con người luôn có xu hướng vươn tới “chân – thiện – mỹ”.

Hồ Chí Minh xem xét con người trong tính đa dạng của nó: đa dạng trong quan hệ xã hội; đa dạng trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng; đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống,...

- Hồ Chí Minh xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện và ác, hay và dở, tốt và xấu, hiền và dữ,...bao gồm cả tính người và tính bản năng. Theo Người, con người “*dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình*”.

###### b. Con người cụ thể, lịch sử

Hồ Chí Minh cũng dùng khái niệm “con người” theo nghĩa rộng trong một số trường hợp, nhưng đặt trong một bối cảnh cụ thể và một tư duy chung. Còn phần lớn, Người xem xét khái niệm này trong trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp,..., trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và trong quan hệ quốc tế. Đó là con người hiện thực, cụ thể và khách quan.

###### c. Bản chất con người mang tính xã hội

- Để sinh tồn, con người phải lao động sản xuất. Trong quá trình lao động sản xuất, các mối quan hệ giữa người với người được xác lập.

- Con người là sản phẩm của xã hội. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, con người là tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng, chủ yếu bao gồm các quan hệ: anh, em; họ hàng; bầu bạn; đồng bào; loài người.

##### 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

###### a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng

Theo Người, “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Vì vậy, “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”. Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần.

Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng. “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”.

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người.

Vì sống gần dân, giữa lòng dân, với dân, hiểu rõ dân tình, dân tâm, dân ý, Hồ Chí Minh thấy rõ yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng con người, giải phóng lao động xã hội. Người xác định rõ trách nhiệm của người cũng là của Đảng và Chính phủ là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Người cảm nhận và thông cảm sâu sắc với thân phận của những người cùng khổ và nô lệ lầm than. Người có niềm tin vững chắc vào trí tuệ, bản lĩnh của con người, ở khả năng tự giải phóng của bản thân con người. Người làm hết sức để xây dựng, rèn luyện con người và quyết tâm đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của con người.

Con người là mục tiêu của cách mạng, nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách của đảng, chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người.

Hồ Chí Minh có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Người nhận rõ: “Muốn xây dựng CNXH, trước hết phải có con người xhcn”, “có dân thì có tất cả”...

Hồ Chí Minh tin vào nhân dân còn xuất phát từ niềm tin vào tình người. Đã là người cộng sản thì phải tin nhân dân và niềm tin vào quần chúng sẽ tạo nên sức mạnh cho người cộng sản. người nói: Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng. Trong khi giữ vững niềm tin vào dân thì phải chống các bệnh: xa nhân dân, khinh nhân dân, sợ

nhân dân; không tin cậy nhân dân; không hiểu biết nhân dân; không yêu thương nhân dân.

Con người là động lực cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước nhưng trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Điều này có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH. Nhà nước mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy công – nông – trí làm nền tảng.

Không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền truyền thống lịch sử và văn hóa của dân tộc Việt Nam. Chính trị, văn hóa, tinh thần là động lực cơ bản trong động lực con người.

Giữa con người – mục tiêu và con người – động lực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Phải kiên quyết khắc phục kịp thời các phản động lực trong con người và tổ chức. Đó là chủ nghĩa cá nhân.

#### **b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”**

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng.

Trên cơ sở khẳng định con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo và rèn luyện con người. Người nói đến “lợi ích trăm năm” và mục tiêu xây dựng CNXH là những quan điểm mang tầm vóc chiến lược, cơ bản lâu dài, nhưng cũng luôn rất cấp bách. Nó liên quan đến nhiệm vụ “Trước hết cần có những con người XHCN” và “trồng người”. Tất cả những điều này phản ánh tư tưởng lớn về tầm quan trọng có tính quyết định của nhân tố con người; tất cả vì con người, do con người.

Như vậy, con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Nó vừa nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược giáo dục - đào tạo theo nghĩa hẹp...

- “Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người XHCN”.

+ Con người XHCN đương nhiên phải do CNXH tạo ra. Nhưng ở đây trên con đường tiến lên CNXH thì “trước hết cần có những con người XHCN”..

+ Mỗi bước xây dựng những con người như vậy là một nấc thang xây dựng CNXH. Đây là mối quan hệ biện chứng giữa “xây dựng CNXH” và “con người XHCN”.

+ Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người mới XHCN có hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. Một là, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống. Hai là, hình thành những phẩm chất mới như: có tư tưởng XHCN; có đạo đức XHCN; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ; có tác phong XHCN; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng...

- Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện “trồng người” cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục – đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống XHCN lên hàng đầu. Hai mặt “đức” và “tài” thống nhất nhau, trong đó, “đức” là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói với việc làm,... Có như vậy mới có thể “học để làm người”.

“Trồng người” là công việc “trăm năm”, không thể nóng vội, cũng không phải tùy tiện. Nhận thức và giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời mỗi con người, trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Hồ Chí Minh cho rằng: “Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học” ./.